TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/ 5/2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Kim.
2. Ông Lương Thanh Văn.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Trang– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17 ngày 08/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1983 – Có mặt.
Địa chỉ: Tổ dân phố H 2, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1988 – Vắng mặt.
HKTT: Tổ dân phố H 2, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở: Tổ dân phố Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đình Q trình bày: Anh Q kết hôn với chị Đỗ Thị L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn N), huyện Việt Yên, sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 01 con chung. Vợ chồng hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L đi xuất khẩu lao động có quan hệ tình cảm với người khác, không chung thủy với anh Q. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả nay anh Q xác định

tình cảm vợ chồng không còn, anh Q đề nghị được ly hôn chị L theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 06/4/2007 nay đang ở với anh Q, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn anh Q nhận nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, công nợ, ruộng đất: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng chị L không đến làm việc và không cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đình Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị Đỗ Thị L và nhận nuôi con chung của vợ chồng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa chị Đỗ Thị L vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và hồ sơ cho Viện kiểm sát còn chậm, chưa đúng quy định tại các Điều 220, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự, cần rút kinh nghiệm.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Q.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình Q được ly hôn chị Đỗ Thị L.

Con chung: Giao cho anh Nguyễn Đình Q được nuôi con Nguyễn Thị Q, sinh ngày 06/4/2007. Chị Đỗ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đình Q. Chị Đỗ Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thị L là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố H 2, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Đỗ Thị L, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng chị L vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 – BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Anh Nguyễn Đình Q và chị Đỗ Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/12/2005 tại UBND xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh Q và chị L chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận và có 01 con chung. Theo anh Q trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do chị Lê đi xuất khẩu lao động có quan hệ tình cảm với người khác, không chung thủy với anh. Vợ chồng đã chấm dứt quan hệ từ năm 2014 đến nay. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị được ly hôn chị Đỗ Thị L theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị L đến làm việc nhưng chị L không đến và không có lý do. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. HĐXX xét thấy việc chị L không đến Tòa án làm việc là do chị L tự từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời gây khó khăn cho anh Q trong việc xin ly hôn chị L. Hiện nay anh Q không có nguyện vọng chung sống cùng chị L nữa, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho anh Nguyễn Đình Q được ly hôn chị Đỗ Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 06/4/2007 nay đang ở với anh Q, đời sống được đảm bảo, sau khi ly hôn anh Q nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn của anh Q thì thấy hiện nay cháu Q đang ở với anh Q đời sống được ổn định. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con chung cần giao cho anh Nguyễn Đình Q được nuôi con Nguyễn Thị Q, sinh ngày 06/4/2007 là phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Q. Do anh Q không yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Q. Chị Đỗ Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

(5) Tài sản, công nợ: Không có, anh Q không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Đình Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Q.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình Q được ly hôn chị Đỗ Thị L.

- Con chung: Giao cho anh Nguyễn Đình Q được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Q, sinh ngày 06/4/2007. Chị Đỗ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Đình Q.

Chị Đỗ Thị L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

-Về án phí: Anh Nguyễn Đình Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006057 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận anh Nguyễn Đình Q đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND thị trấn Nếnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Hợp